



MỘT SỐ CÁCH THỨC ĐỂ CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ ĐỊNH HƯỚNG SUY NGHĨ CHO ĐỘC GIẢ CỦA NGÔN NGỮ TÁC PHẨM BÌNH LUẬN BÁO CHÍ

LINGUISTIC STRATEGIES FOR INFORMING AND GUIDING READER PERSPECTIVES IN JOURNALISTIC COMMENTARY

Huỳnh Thị Chuyên

Trường Đại học Cửu Long

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.01-e.1105>

Email: hongchuyennnn@gmail.com

Ngày nhận bài: 04/02/2026

Ngày phản biện: 19/03/2026

Ngày duyệt bài: 01/06/2026

TÓM TẮT

Trong kỷ nguyên số hóa và bùng nổ thông tin đa chiều, truyền thông đại chúng không chỉ đơn thuần là kênh chuyển tải sự kiện mà còn là không gian kiến tạo và định hình các xu hướng nhận thức xã hội. Khảo sát từ góc độ truyền thông học, báo chí đóng vai trò là phương tiện giám sát, phản biện xã hội và là công cụ then chốt trong việc định hướng dư luận. Sức mạnh này không tồn tại trừu tượng mà được cụ thể hóa bằng các công cụ kỹ hiệu học; trong đó, tác phẩm bình luận thể hiện rõ nét sức mạnh này thông qua các chiến lược ngôn ngữ đặc thù. Nhằm làm sáng tỏ bản chất của cơ chế tác động trên, bài báo tập trung nghiên cứu cách thức cung cấp thông tin và định hướng dư luận trong thể loại bình luận thông qua ba yếu tố: trích dẫn trực tiếp, trích dẫn gián tiếp và hệ thống lập luận. Tiến trình luận giải được thực hiện dựa trên nền tảng lý thuyết ngôn ngữ học văn bản hiện đại. Cụ thể, bằng phương pháp Phân tích diễn ngôn (DA) và Phân tích diễn ngôn phê phán (CDA) dựa trên các mẫu khảo sát từ báo chí Việt Nam những năm gần đây, nghiên cứu chỉ ra rằng việc sử dụng linh hoạt các hình thức trích dẫn không chỉ tăng tính khách quan mà còn tạo tiền giả định vững chắc cho các lập luận sắc bén. Các chiến lược này đóng vai trò như một bộ khung điều hướng tâm lý tiếp nhận của công chúng. Kết quả cho thấy cách thức tổ chức ngôn ngữ bình luận có tác động trực tiếp đến việc dẫn dắt tư duy người đọc và hình thành thái độ xã hội. Khép lại quá trình phân tích, nghiên cứu góp phần khẳng định vai trò của ngôn ngữ trong việc thực thi chức năng định hướng dư luận của báo chí hiện đại, đồng thời mở ra những gợi mở quan trọng cho công tác đào tạo và thực hành báo chí chuyên nghiệp.

Từ khóa: Định hướng dư luận; lập luận báo chí; ngôn ngữ báo chí; tác phẩm bình luận; trích dẫn.

ABSTRACT

In the era of digitalization and multi-dimensional information explosion, mass media does not merely serve as a channel for transmitting events but also as a space for constructing and shaping social cognitive trends. From a communication studies perspective, journalism serves as a vehicle for social supervision, criticism, and a key tool for guiding public opinion. This power does not exist in the abstract but is materialized through semiotic instruments; commentary pieces, in particular, manifest this power through specific linguistic strategies. To clarify the nature of this underlying mechanism, this article examines the methods of providing information and shaping public opinion within commentary works through three core elements: direct quotation, indirect quotation, and argumentation systems. The analytical process is rooted in modern textual linguistics. Specifically, utilizing Discourse Analysis (DA) and Critical Discourse Analysis (CDA) on selected Vietnamese press commentaries from recent years, the study indicates that the flexible use of citation forms not only enhances objectivity but also establishes a solid foundation for sharp arguments. These strategies act as a structural framework navigating the psychological reception of the public. The findings show that the linguistic organization of commentary directly impacts reader cognition and the formation of social attitudes. Concluding the academic discourse, this study contributes to affirming the role of journalistic language in implementing the function of guiding public opinion today, while offering significant insights for professional journalistic training and practice.

Keywords: Commentary; journalistic argumentation; journalistic language; public opinion orientation; quotation.

MỞ ĐẦU

Ở mỗi quốc gia, báo chí – truyền thông không chỉ là kênh giao tiếp quan trọng hàng đầu, là nhân tố kích thích sự phát triển, mà còn là phương tiện quản lý, giám sát, phản biện xã hội, là công cụ thực hiện các dịch vụ xã hội.

Trong các thể loại báo chí, bình luận là một trong những thể loại quan trọng và tiêu biểu. Bình luận, xét về số lượng, chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ trong một tờ báo nhưng lại được coi là “linh hồn” của tờ báo, và ở một mức độ nào đó có thể tạo nên bản sắc của cả một tờ báo, ví dụ chuyên mục “Bình luận”, “Câu chuyện quốc tế” của báo Quân đội nhân dân (QĐND); “Sự kiện bình luận” của báo Lao Động (LĐ); “Bình luận-phê phán” của báo Nhân dân (ND); “Bình luận”, “Thời sự và suy nghĩ” của báo Tuổi trẻ TP. Hồ Chí Minh (TT) v.v ...

Nghiên cứu ngôn ngữ báo chí và ngôn ngữ bình luận báo chí với tư cách là một phương thức thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội thông qua cách thức cung cấp thông tin và định hướng suy nghĩ cho độc giả. Sự nghiên cứu không chỉ trên phương diện cấu trúc mà cả trên phương diện chức năng trong các tình huống giao tiếp, nghĩa là không chỉ đơn thuần quan tâm đến cơ chế hình thành thức của hệ thống ngôn ngữ, mà tìm hiểu về vai trò của nó trong phát ngôn nhằm đạt được một mục đích cụ thể nào đó trong giao tiếp.

Bài báo được triển khai trên cơ sở kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu đặc thù của ngôn ngữ học.

Trước hết, phương pháp miêu tả được sử dụng để miêu tả các đặc điểm ngôn ngữ của diễn ngôn bình luận. Phương pháp miêu tả bao gồm các thủ pháp như: thủ pháp phân tích ngôn cảnh, thủ pháp phân loại và thủ pháp phân tích thành tố trực tiếp và thủ pháp ngôn ngữ học tâm lý.

Bên cạnh đó, phương pháp Phân tích diễn ngôn – CD (nghiên cứu cách thức ngôn ngữ được sử dụng trong các bối cảnh xã hội thực tế) và Phân tích diễn ngôn phê phán - CDA (tập trung vào cách ngôn ngữ được sử dụng để củng cố tính chính danh của quyền lực, xây dựng sự đồng thuận và định hướng tư tưởng xã hội) cũng được vận dụng. Hai phương pháp phân tích này bao gồm phân tích ngữ pháp và ngữ nghĩa (phân tích dụng học). Nghĩa là thông tin được ghi lại (văn

bản bình luận) là một quá trình năng động mà trong đó ngôn ngữ được sử dụng như một công cụ giao tiếp trong ngữ cảnh bởi người nói/ viết để thể hiện nghĩa và đạt được những điều dự định. Đây là cách nhìn văn bản dưới góc độ chức năng và dụng học.

Ngoài ra, phương pháp thống kê được sử dụng để thống kê một số bài bình luận (30 bài bình luận chính trị – xã hội được khảo sát) được đăng tải trên các tờ báo như: Báo QĐND, Báo ND, Báo LĐ và Báo TT trong thời gian từ năm 2022 đến nay.

Cuối cùng, phương pháp tiếp cận liên ngành (kết hợp ngôn ngữ học với văn hóa học, xã hội học và truyền thông học) được sử dụng để lý giải về tác động của các yếu tố văn hoá đối với quá trình sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp; những tác động của công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) đối với không gian sáng tạo của nhà báo, phương thức tiếp nhận thông tin của độc giả thời hiện đại. Cách tiếp cận này góp phần mở rộng góc nhìn trong bối cảnh kỹ thuật số và truyền thông hiện đại.

1. Khái quát nghiên cứu về ngôn ngữ báo chí

Ở Việt Nam có nhiều các công trình nghiên cứu về ngôn ngữ báo chí. Có thể tóm lại thành 2 nhóm nghiên cứu sau:

Thứ nhất là nhóm tác giả đề cập tới báo chí một cách chung chung, khái quát trên diện rộng nhưng không đi sâu vào một vấn đề nào cụ thể (ngôn ngữ trên một dạng báo cụ thể: báo in, báo điện tử, ...). Ví dụ, trong giáo trình *Ngôn ngữ báo chí*, tác giả Vũ Quang Hào (2010) nêu những vấn đề cơ bản nhất của ngôn ngữ báo chí gồm các nội dung như: ngôn ngữ chuẩn mực của báo chí, ngôn ngữ các phong cách báo chí, ngôn ngữ của tên riêng trên báo chí, ngôn ngữ của thuật ngữ khoa học, danh pháp khoa học, kí hiệu khoa học, ... được tác giả trình bày, lý giải một cách cô đọng, khoa học.

Thứ hai là nhóm tập trung nghiên cứu ngôn ngữ theo hướng chuyên sâu vào một nội dung, một khía cạnh cụ thể (ngôn ngữ tit báo, ngôn ngữ của người dẫn chương trình, thuật ngữ trên báo chí, ...).

Ngoài ra, cũng có thể xem xét ngôn ngữ báo chí trên các bình diện khác như: các bình diện

ngôn ngữ, phong cách ngôn ngữ, cấp độ ngôn ngữ, ...

Trong khoảng 5-10 năm trở lại đây (2016-2026), nghiên cứu về ngôn ngữ báo chí đã chuyển dịch mạnh mẽ từ việc phân tích câu chữ đơn thuần sang nghiên cứu ngôn ngữ đa phương tiện, tác động tâm lý và trí tuệ nhân tạo. Các hướng nghiên cứu chính và những đặc điểm nổi bật như sau:

Thứ nhất, ngôn ngữ báo chí trong kỉ nguyên số (Digital Journalism): Đây là mảng nghiên cứu sôi động nhất, tập trung vào cách ngôn ngữ thích nghi với nền tảng mạng xã hội. Nổi bật với các đặc tính: 1) Tính tương tác và hội thoại: Nghiên cứu cách báo chí không còn "độc thoại" mà chuyển sang dạng giao tiếp với độc giả qua bình luận và chia sẻ; 2) Ngôn ngữ tối ưu hóa (SEO): Cách đặt tiêu đề (Headline) để vừa thu hút người xem (Clickbait) vừa đảm bảo thuật toán tìm kiếm; 3) Tính đa phương tiện (Multimodality): Sự kết hợp giữa văn bản, hình ảnh, video và đồ họa tương tác (Infographic) để truyền tải thông điệp.

Thứ hai, nghiên cứu theo đường hướng Phân tích diễn ngôn phê phán (Critical Discourse Analysis - CDA). Nghĩa là CDA đặt mối quan tâm chủ yếu đến quan hệ quyền lực, quan hệ xã hội và sự tác động của thực tại xã hội đến ngôn ngữ. Ngôn ngữ đã được sử dụng như một phương tiện tư tưởng, điều khiển và làm thay đổi xã hội... Tác giả tiêu biểu cho đường hướng nghiên cứu này trên diễn ngôn báo chí ở Việt Nam là tác Nguyễn Hòa. Trong công trình *Phân tích diễn ngôn phê phán: lí luận và phương pháp* (2006), Nguyễn Hoà đã giới thiệu khá hoàn chỉnh các đường hướng và phương pháp phân tích CDA cùng với những mẫu thực thi CDA cụ thể. Tác giả cho rằng, CDA đặt mối quan tâm chủ yếu đến quan hệ quyền lực, quan hệ xã hội và sự tác động của thực tại xã hội đến ngôn ngữ. Ngôn ngữ đã được sử dụng như một *phương tiện tư tưởng, điều khiển và làm thay đổi xã hội*... Nguyễn Hoà cũng chỉ ra rằng CDA mà công trình đề cập khác với lí thuyết phê phán ở chỗ nó được đặt trên căn cứ ngôn ngữ học.

Như vậy việc nghiên cứu về phân tích diễn ngôn trên thế giới cũng như ở Việt Nam đã đi từ ngữ pháp văn bản đến CD và nay là CDA. Trong phân tích diễn ngôn và CDA, các tác giả tiếp cận

từ chất liệu, cấu trúc đến chức năng và hiệu lực của văn bản. Các phân tích diễn ngôn dần dần tập trung vào phân tích chức năng của ngôn ngữ trong việc thiết lập và duy trì các mối quan hệ xã hội; xác lập hiệu lực và sức mạnh tác động, định hướng dư luận xã hội của văn bản, đặc biệt là văn bản bình luận báo chí. CDA hướng nghiên cứu tới quyền lực và ý thức hệ, nghĩa là phân tích cách các cơ quan truyền thông định hướng dư luận thông qua việc lựa chọn từ ngữ (Lexical choice) trong các sự kiện chính trị lớn. Ví dụ:

“Đại hội XIV của Đảng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, dấu mốc mở ra kỉ nguyên phát triển mới của đất nước, với tư duy mới, tầm nhìn mới, quyết tâm chính trị cao. Các văn kiện trình đại hội được chuẩn bị công phu, khoa học, bám sát thực tiễn sinh động của đất nước sau 40 năm đổi mới, thể hiện rõ khát vọng phát triển hùng cường, phồn vinh, hạnh phúc, lấy nhân dân làm trung tâm, làm chủ thể, động lực của sự phát triển. Những định hướng lớn, mục tiêu chiến lược được đại hội xác định đã nhận được sự đồng thuận, thống nhất cao, tạo nền tảng quan trọng cho việc hoạch định và triển khai các chủ trương, chính sách lớn trong thời gian tới”.

(Niềm tin vững chắc, kì vọng lớn lao từ thành công Đại hội XIV của Đảng, QĐND online, ngày 24/1/2026).

Ví dụ trên cho thấy trong bài bình luận, cơ quan báo chí đã đưa tin về kết quả thành công của Đại hội Đảng lần thứ XIV bằng việc lựa chọn ngôn từ có chọn lọc và mang tính định hướng rõ nét. Theo đường hướng lí thuyết CDA (chúng tôi đề cập ở trên), có thể phân tích như sau:

Lựa chọn từ vựng: Ngôn ngữ trong đoạn văn sử dụng hệ thống từ vựng mang tính khẳng định tuyệt đối và biểu cảm tích cực:

- Tính mới và đột phá: Các từ *"đặc biệt quan trọng", "dấu mốc", "mở ra", "kỉ nguyên mới", "tư duy mới", "tầm nhìn mới"* thiết lập một ranh giới thời gian. Nó khẳng định đây là sự chuyển mình tất yếu và tích cực, tách biệt với quá khứ nhưng vẫn kế thừa giá trị.

- Tính khoa học và thực tiễn: Cụm từ *"công phu", "khoa học", "bám sát thực tiễn sinh động"* nhằm hợp thức hóa các văn kiện. Việc sử dụng từ *"sinh động"* giúp làm mềm hóa các văn

bản hành chính, tạo cảm giác gần gũi với đời sống.

- Hệ giá trị cảm xúc: "*Hùng cường*", "*phồn vinh*", "*hạnh phúc*" tác động trực tiếp vào tâm lý mong cầu của nhân dân, biến mục tiêu của Đảng thành khát vọng chung của dân tộc.

Chiến lược kiến tạo sự đồng thuận: CDA chú trọng cách ngôn ngữ xóa nhòa khoảng cách giữa chủ thể lãnh đạo và đối tượng thụ hưởng:

- Lấy nhân dân làm trung tâm: Cụm từ "*nhân dân làm trung tâm, làm chủ thể, động lực*" là một kĩ thuật diễn ngôn nhằm khẳng định tính dân chủ. Bằng cách đặt nhân dân vào vị trí "chủ thể", diễn ngôn này trao quyền năng về mặt ngôn ngữ cho người dân, từ đó tạo ra sự ủng hộ tự nguyện.

- Tính thống nhất: "*Đồng thuận*", "*thống nhất cao*" được dùng để khẳng định không có sự mâu thuẫn hay tiếng nói khác biệt. Điều này tạo ra một thực tại xã hội rằng tất cả mọi tầng lớp đều đã nhất trí, thúc đẩy những người còn lại đi theo xu thế chung.

Cấu trúc ngữ pháp và Quyền năng:

- Sử dụng danh từ hóa: Đoạn văn sử dụng nhiều cụm danh từ dài để nén thông tin (ví dụ: "*việc hoạch định và triển khai các chủ trương, chính sách lớn*"). Cách này biến các hành động phức tạp thành các khái niệm trừu tượng, tạo cảm giác về sự ổn định và tính tất yếu.

- Vị thế của Đảng: Dù nhân dân được gọi là "chủ thể", nhưng Đảng (thông qua Đại hội) mới là chủ thể của các hành động "*xác định*", "*chuẩn bị*", "*mở ra*". Điều này khẳng định vai trò lãnh đạo tuyệt đối trong việc định hướng và dẫn dắt thực tại.

Bối cảnh và Quyền lực: Dưới góc độ CDA, đoạn văn không chỉ thông báo thông tin mà còn thực hiện chức năng "tái sản xuất quyền lực":

- Khẳng định 40 năm "Đổi mới": Việc nhắc đến mốc thời gian này là cách dùng lịch sử để bảo chứng cho tương lai. Nó tạo ra một mạch logic: "Chúng ta đã thành công trong 40 năm qua, vì vậy con đường mới này chắc chắn sẽ dẫn đến thành công".

- Thiết lập "Kì nguyên mới": Đây là một "nhãn dán" chính trị (political labeling) mạnh mẽ. Nó buộc người tiếp nhận diễn ngôn phải

điều chỉnh nhận thức để thích ứng với một giai đoạn lịch sử mới mà Đảng là người cầm lái.

Tổng kết: Đoạn văn là một mẫu hình của diễn ngôn chính trị tích cực. Tác giả sử dụng ngôn ngữ để: Hợp thức hóa các quyết sách là khoa học và khách quan; Đồng nhất lợi ích của Đảng với lợi ích và khát vọng của Nhân dân; Tạo niềm tin thông qua việc sử dụng các tính từ mạnh và cấu trúc khẳng định, nhằm định hướng xã hội và thúc đẩy hành động chung.

Nghiên cứu ngôn ngữ báo chí theo đường hướng CDA còn bao hàm cả việc nghiên cứu những thách thức mới của ngôn ngữ báo chí trong kỉ nguyên hậu sự thật (Post-truth) hay tin giả (Fake news) và cách các từ ngữ cảm xúc lấn át sự thật khách quan.

Trong bối cảnh thông tin độc hại, deepfake và thao túng thuật toán, nhiều lãnh đạo báo chí tin rằng đây không chỉ là khủng hoảng - mà là thời khắc kiểm chứng giá trị của báo chí. "Khi mạng xã hội tràn ngập tin giả và nội dung độc hại, đó chính là lúc báo chí cần chứng minh giá trị của mình" (Lê Quốc Minh (2025), Tổng biên tập Báo Nhân Dân). Báo chí không thể cạnh tranh với AI và mạng xã hội về tốc độ hay độ ồn ào, nhưng có thể thắng ở độ tin cậy, xác minh và trách nhiệm.

2. Khái quát nghiên cứu về ngôn ngữ tác phẩm bình luận

Quan niệm về bình luận

Ở Việt Nam, các tác giả cuốn "*Sáng tạo tác phẩm báo mạng điện tử*" quan niệm: "Với tư cách một thể loại báo chí độc lập bình luận là một thể loại tác phẩm cơ bản không những của hoạt động báo chí, mà còn của loại thể chính luận báo chí; nó là một kiểu bài nghị luận mang tính chất tổng hợp, trong đó các yếu tố giải thích, phân tích, chứng minh được sử dụng để luận bàn, đánh giá một sự kiện, một hiện tượng, một vấn đề nào đó mà xã hội quan tâm nhằm thay đổi nhận thức ở công chúng để họ có những phương pháp ứng xử hay những hoạt động thực tiễn sao cho phù hợp. Để phù hợp nội dung đó, bình luận có kết cấu theo mạch của tư duy lôgic, các luận điểm, luận cứ được lập luận một cách chặt chẽ, mạch lạc, dẫn người đọc, người nghe, người nhìn đến với một nhận thức mới." (Nguyễn Thị Trường Giang và ctv, 2014, tr. 358).

Chúng tôi quan niệm: *Bình luận là thể loại của nhóm chính luận báo chí để đánh giá, bàn luận về một sự kiện, một hiện tượng, một vấn đề có ý nghĩa chính trị - xã hội quan trọng mà bạn đọc đã biết. Qua đó làm nổi bật lên thái độ đối với đối tượng được phản ánh.*

Đặc điểm của ngôn ngữ bình luận

Về mặt ngôn ngữ, bình luận có những đặc điểm khái quát như sau:

- *Sử dụng nhiều lớp từ ngữ chính trị:* Nội dung của lớp từ ngữ này luôn thể hiện lập trường và quan điểm cách mạng về từng vấn đề cụ thể của đời sống xã hội nhằm tuyên truyền, giải thích chủ trương, đường lối, chính sách, ... Ví dụ sau sử dụng lớp từ ngữ quen thuộc của chính trị ngoại giao:

“...Về đối ngoại nhân dân, hai Bộ trưởng bày tỏ tin tưởng, đây là nền tảng vững chắc của quan hệ và đề nghị các tổ chức hữu nghị, chính trị - xã hội hai nước tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động...”

Hai bên đã chia sẻ đánh giá sâu sắc về bối cảnh thế giới hiện nay với những diễn biến nhanh chóng, phức tạp và khó lường; bày tỏ sự đồng thuận cao trong việc nhìn nhận các vấn đề toàn cầu; khẳng định tầm quan trọng của việc duy trì hòa bình, ổn định, thượng tôn pháp luật và giải quyết các tranh chấp bằng biện pháp hòa bình, dựa trên luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên hợp quốc”. (Đối ngoại Đảng là nền tảng chính trị then chốt, định hướng cho tổng thể quan hệ Việt Nam – Cuba, QĐND online, 02/02/2026).

- *Là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa “bình” và “luận”:* “Bình” có nghĩa là xem xét, phân tích các khía cạnh của vấn đề, đánh giá khai thác nó ở mặt nội dung, ý nghĩa. “Luận” có nghĩa là bàn bạc, mở rộng vấn đề, đặt nó vào trong quá trình diễn biến, phát triển, nhận định khả năng, triển vọng của vấn đề mà người bình luận quan tâm, rồi nêu những tác dụng của nó trong đời sống xã hội, trong thực tế và trong lý luận. Chính vì thế, bình luận có rất nhiều ưu thế trong việc thực hiện sứ mệnh định hướng của hoạt động báo chí. Hơn bất cứ thể loại báo chí nào khác, bình luận là loại tác phẩm đứng ở hàng tiên phong trong việc hướng dẫn dư luận cho công chúng. Lúc này, ngôn ngữ của thể loại bình luận thể hiện rõ nhất đặc trưng của ngôn ngữ chính luận: phản ánh

hiện thực bằng phương pháp bàn luận, phân tích, lý giải thông qua hệ thống quan điểm, lý lẽ để giải quyết vấn đề. Ngôn ngữ của chính luận là ngôn ngữ logic, chú trọng đặc biệt đến tính chính xác và chặt chẽ để phục vụ cho mục đích diễn đạt. Đó là thứ ngôn ngữ phản ánh rõ ràng, chính xác quá trình tư duy nhằm đạt đến sự nhận thức chân lý cụ thể. Ví dụ, toàn bộ bài bình luận *Công lý, đối thoại và ngoại giao* (ND online, 08/4/2022) là ví dụ điển hình của bút pháp bình luận. Những dòng phân tích kết hợp với lý lẽ xác đáng đã thuyết phục được người đọc đồng tình với tác giả. Việt Nam hết sức lo ngại về tình hình xung đột vũ trang ở Ukraine, và kêu gọi các bên có giải pháp giảm leo thang căng thẳng, giải pháp được đề xuất là: nói lại đối thoại và đàm phán thông qua tất cả các kênh, nhằm đạt được giải pháp lâu dài có tính đến lợi ích và quan ngại của tất cả các bên, trên cơ sở luật pháp quốc tế, đặc biệt là nguyên tắc tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia. Các giải pháp như vậy sẽ chấm dứt những khổ đau và đóng góp lớn cho hòa bình, an ninh và phát triển ở châu Âu và thế giới nói chung.

- *Ngôn ngữ bình luận giàu tính biểu cảm:* Tính biểu cảm trong ngôn ngữ bình luận gắn liền với việc sử dụng chất liệu văn học, từ ngữ hội thoại (khẩu ngữ), sử dụng thành ngữ, tục ngữ và các biến thể của chúng, lối nói ẩn dụ giàu hình ảnh, in đậm dấu ấn cá nhân, giàu tính hài hước, hóm hỉnh (thể loại xã luận rất hiếm khi sử dụng những kiểu loại này) vì thế sinh động, hấp dẫn gây được ấn tượng đối với người đọc, người nghe. Ví dụ:

“Hình ảnh những phi hành đoàn với bộ đồ bảo hộ kín mít, những chuyến bay về quê nhà chật ních hành khách, toàn bộ nhân lực ngành y được huy động, cán bộ chiến sĩ lực lượng vũ trang cũng nhận nhiệm vụ đón tiếp bà con trở về, tổ chức cách ly an toàn... mãi mãi là những hình ảnh đẹp như một câu dân ca xứ Nghệ: “Rằng qua cơn lận đận, mới hiểu tận lòng nhau”.

Chính vì ấn tượng đẹp như vậy nên khi những sự vụ khuất tất liên quan đến những chuyến bay giải cứu trong thời gian gần đây bị lộ sáng đã làm cho chúng ta không thể không nhớ.

*Bức tranh đẹp về lòng hi sinh được vẽ nên bằng những hình ảnh đáng ghi nhận từ cuộc giải cứu **bỗng** bị vài **vết ố** do một vài cán bộ đảm nhiệm*

trọng trách liên quan gây ra”. (Những chuyển bay giải cứu, TT online, 16/4/2022).

3. Một số cách thức để cung cấp thông tin và định hướng suy nghĩ cho độc giả của ngôn ngữ bình luận

Sử dụng trích dẫn trực tiếp và trích dẫn gián tiếp

Trích dẫn là một phương thức diễn đạt phổ biến trong mọi ngôn ngữ. Trong ngôn ngữ báo chí, phương thức này có tầm quan trọng đặc biệt. Theo Dương Văn Quảng (Dương Văn Quảng, 1998), một bài báo thường bao gồm cả hai thể loại phát ngôn: phát ngôn do tác giả tự mình viết ra và lời nói hay bài viết của người khác được trích dẫn nhằm phục vụ cho những mục đích, ý định riêng của người viết bài; nhưng “dù là thể loại bài báo nào, trích dẫn vẫn là loại hình đặc thù của hành văn báo chí, có vai trò không nhỏ trong việc chuyển tải thông tin cũng như thuyết phục người đọc”. “Trích dẫn là dùng những sản phẩm ngôn ngữ do sự sáng tạo của người khác để góp phần tạo ra sản phẩm của mình, vì vậy, phần “vay mượn” chỉ có chức năng “trang điểm” hay phụ họa cho những lí lẽ của tác giả. Trích dẫn phải là kết quả của quá trình lựa chọn có chủ kiến (vì số lượng rất hạn chế) và được cân nhắc một cách kĩ lưỡng của người làm báo trong số rất nhiều hành văn có sẵn. Nói cách khác, trích dẫn là một yếu tố thông tin vì khi được đặt vào một chu cảnh khác thì đương nhiên nó mang một ý nghĩa khác” và ý nghĩa đó phục vụ cho một mục đích khác của người trích dẫn. Giống như các ngôn báo chí khác, trong bình luận cũng có hai loại trích dẫn: trích dẫn trực tiếp và trích dẫn gián tiếp.

Sử dụng trích dẫn trực tiếp

Trích dẫn trực tiếp được dùng phổ biến trong ngôn ngữ bình luận. Người viết chỉ thể hiện quan điểm của mình khi cần thiết do muốn người đọc tiếp xúc với quan điểm của nhân vật nhằm đảm bảo nguyên tắc khách quan và thường dùng lời trích dẫn trực tiếp cho những mục đích sau: (1) Thêm độ minh xác cho các sự kiện của câu chuyện; (2) Thêm độ hấp dẫn và quan trọng cho câu chuyện bằng lời nói chính xác của nhân vật; (3) Gây cho người đọc cảm giác về phong cách phát biểu của từng cá nhân.

Trên góc độ cú pháp, trích dẫn trực tiếp được coi như việc dùng những ý tưởng của người đi trước, đồng hay trái quan điểm, để thể hiện những gì nhà báo muốn trình bày (kinh nghiệm). Nhưng từ góc độ ngữ nghĩa, bản thân những từ hoặc ngữ được lựa chọn là một phần thông điệp của người viết gửi đến người đọc và được coi là sự thể hiện quan điểm, thái độ của người viết. Ví dụ:

“Một lần nữa khẳng định quan điểm của Việt Nam về cuộc chiến của Nga tại Ukraine, bà Lê Thị Thu Hằng - người phát ngôn Bộ Ngoại giao đã khẳng định khi trả lời báo chí về việc bỏ phiếu của Việt Nam trong phiên họp khẩn cấp của Hội đồng Bảo an, “*Việt Nam luôn theo dõi sát sao và hết sức quan ngại về tình hình Ukraine*” và cho rằng “*ưu tiên hiện nay là cần kiềm chế tối đa, chấm dứt các hành động sử dụng vũ lực để tránh gây thương vong và tổn thất đối với dân thường, nối lại đối thoại và đàm phán thông qua tất cả các kênh nhằm đạt được các giải pháp lâu dài có tính đến lợi ích chính đáng của tất cả các bên trên cơ sở phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc và các nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế*”. (Công lý, đối thoại và ngoại giao, ND online, 08/4/2022).

Trích dẫn trực tiếp bổ sung những yếu tố chứa đựng thông tin và tạo ra màu sắc đặc trưng, tính cập nhật, xác thực, vì thế tạo nên điểm nhấn và sự nổi bật của nó.

Ngoài những lợi ích trên, còn thấy việc sử dụng trích dẫn trực tiếp còn tránh cho câu văn dài, rườm rà đồng thời tạo tính chính xác cao cho văn bản. Đây cũng là điều kiện để thực hiện nội dung một cách chính xác hơn. Ví dụ ở trên cho thấy quan điểm của người viết, của tòa soạn và cũng là quan điểm của Nhà nước Việt Nam trong vấn đề chiến sự giữa Nga và Ukraine. Về mặt ngôn ngữ học, sử dụng trích dẫn trực tiếp trong bài bình luận là một cách thức định hướng thông tin cho người đọc (thể hiện vai trò giám sát, phản biện xã hội của báo chí).

Sử dụng trích dẫn gián tiếp

Trích dẫn gián tiếp thường dùng để tóm tắt những lời phát biểu dài và được dùng như một sự chuyển tiếp từ chuỗi sự kiện này sang những sự kiện tiếp theo hoặc nối hai phần trích dẫn trực tiếp. Đây cũng là phương pháp hợp lí hơn để truyền đạt lại ý nghĩ.

Có thể nhận thấy một đặc điểm tương đối nổi bật trong văn bản các bài bình luận chính trị là sự hiện diện của lời trích dẫn gián tiếp. Lời trích dẫn gián tiếp được sử dụng tương đối nhiều so với các văn bản tin. Lí do là người viết muốn làm cho lời bình luận của mình có thêm tính khách quan; trong khi ở các bản tin, người viết muốn tường thuật lại tin hơn là làm sống lại tin đó. Sau đây là ví dụ về lời trích dẫn gián tiếp trong bình luận:

“Theo Ngoại trưởng Lavrov, hai phái đoàn của Nga và Ukraine hiện vẫn duy trì đàm phán thông qua hình thức trực tuyến. Trước đó, hai bên đã nhất trí sẽ tổ chức các cuộc đàm phán trực tuyến hàng ngày.

Sputnik ngày 16-3 dẫn lời Người phát ngôn Điện Kremlin Dmitry Peskov *cho rằng*, trọng tâm đàm phán là việc Ukraine trở thành một quốc gia trung lập với vị thế tương đương như Thụy Điển và Áo, và đây sẽ là một yếu tố "thỏa hiệp". "Đây là một lựa chọn đang được thảo luận và có thể được xem xét như một sự thỏa hiệp", ông Peskov chia sẻ với báo giới”.

(Nga tuyên bố sẵn sàng thảo luận về vị trí trung lập của Ukraine, QĐND online, 16/3/2022).

Có thể nhận ra tính chất gián tiếp hay “báo cáo lại” qua các động từ: *theo, cho rằng...* là những từ dùng trong trích dẫn gián tiếp. Dù tác giả bài báo không bộc lộ trực tiếp quan điểm, nhưng cho thấy tác giả muốn tạo cảm giác là vấn đề đó đương nhiên được công nhận bởi một số lớn người đọc hoặc số đông trong xã hội khi mà tác giả phản ánh lại những điều đó một cách khách quan. Theo nghiên cứu *Lôgích và tiếng Việt* của GS. Nguyễn Đức Dân (1998), cách sử dụng ngôn ngữ này để tạo sự hàm súc và tác động tâm lí: *Lẽ thường (Topos)*: là những "chân lí ngầm định" mà cộng đồng đều thừa nhận. Báo chí sử dụng các lẽ thường này làm bàn đạp để đưa ra kết luận mà không cần chứng minh lại.

Lập luận trong bài bình luận

a. Sơ bộ về lập luận

Ở Việt Nam, một số nhà Việt ngữ tên tuổi như GS. Nguyễn Đức Dân, GS. Đỗ Hữu Châu nghiên cứu về lập luận dưới góc độ ngữ dụng học, đều thống nhất rằng: “Lập luận là một hoạt động ngôn từ. Bằng công cụ ngôn ngữ, người nói

đưa ra những lí lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một hệ thống xác tin nào đó: rút ra một (/ một số) kết luận hay chấp nhận một (/ một số) kết luận nào đó” (Nguyễn Đức Dân, 2000, tr.165); “Lập luận là đưa ra những lí lẽ nhằm dẫn dắt người nghe đến một kết luận nào đấy mà người nói muốn đạt tới” (Đỗ Hữu Châu 2012, tr.155).

b. Lập luận trong tác phẩm bình luận báo chí

Vận dụng lí thuyết về Ngữ dụng học và Logic của GS. Nguyễn Đức Dân, GS. Đỗ Hữu Châu để thấy ngôn ngữ báo chí hiện đại không chỉ là những thông báo thuần túy; Thông qua các phương tiện như tiền giả định hay hàm ngôn hội thoại, báo chí đã thực hiện việc nén thông tin tối đa (tính hàm súc) đồng thời định hướng tâm lí độc giả một cách tinh tế nhưng mạnh mẽ thông qua các “Tác tử lập luận” (Argumentative Operators)/ “Kết tử lập luận” (Argumentative Connecteurs) hoặc “Lẽ thường” (Topos) được sử dụng để định hướng suy nghĩ độc giả.

“Tác tử lập luận là một yếu tố khi được đưa vào một nội dung miêu tả nào đấy sẽ làm thay đổi tiềm năng lập luận của nó, độc lập với thông tin miêu tả vốn có của nó” (Đỗ Hữu Châu, 2012, tr. 180). Tác tử lập luận là những từ hư, những tiểu từ tình thái theo cách gọi của ngữ pháp tiền dụng học.

“Kết tử lập luận là những yếu tố (như các liên từ đẳng lập, liên từ phụ thuộc, các trạng từ và các trạng ngữ...) phối hợp hai hoặc một số phát ngôn thành một lập luận duy nhất. Nhờ kết tử mà các phát ngôn trở thành luận cứ hay kết luận của một lập luận” (Đỗ Hữu Châu, 2012, tr. 184).

“Lẽ thường (topos: số ít; topoi: số nhiều), để chỉ các nguyên lí được dùng làm cơ sở để tạo nên các lập luận đời thường. Lẽ thường là những chân lí thông thường có tính kinh nghiệm, không có tính tất yếu bắt buộc như các tiền đề lôgic” (Đỗ Hữu Châu, 2012, tr. 191).

Sau đây là sự phân tích các tác tử lập luận, kết tử lập luận và lẽ thường trong bài bình luận ngắn “*Thiếu bãi đỗ xe, đường phố ngày càng chật hẹp, ùn tắc*” (LĐ online, 02/11/2023):

“*Cách đây 13 năm, người dân TPHCM phấn khởi khi báo chí đưa tin động thổ dự án “Xây dựng tầng ngầm bãi đậu xe, dịch vụ thương mại” ở Công viên Lê Văn Tám, Quận 1.*

Theo thông tin từ chủ đầu tư, khi hoàn thành bãi đậu xe này có sức chứa 2.024 chỗ đỗ xe máy, 1.250 chỗ đỗ ô tô con, 28 chỗ đỗ xe buýt và xe tải.

Nhưng thật thất vọng khi dự án bất động suốt bao nhiêu năm, nói trắng ra là nó đã bị khai tử. Nguyên nhân là gì, chủ đầu tư trả lời báo chí là vướng quá nhiều thủ tục, hồ sơ bị “ngâm”, dự án bị kéo dài, đội vốn. Và từ đó đến nay, nhiều dự án đầu tư bãi đỗ xe cũng chỉ nghe trên báo đài, còn ngoài đường thì xe vẫn chen chúc vì thiếu chỗ đỗ. Có nhiều tuyến đường, lề đường trở thành bãi đỗ xe máy, ô tô, vừa chiếm không gian dành cho người đi bộ, vừa làm mất mỹ quan đô thị.

Số lượng xe máy, ô tô tăng từng ngày, đó là nhu cầu sử dụng phương tiện của người dân. Đối với các thành phố lớn như Hà Nội, TP HCM, mật độ phương tiện giao thông đã quá dày đặc, thì việc tăng lượng xe máy, ô tô càng thêm áp lực. Đường sá chật hẹp, lại thêm nhiều xe cộ đỗ hai bên đường, khiến cho hẹp càng hẹp hơn, ùn tắc càng ùn tắc hơn. **Nhưng** không đỗ hai bên đường thì **xin hỏi đỗ ở đâu?**

Có điều, mặt đường có giới hạn, đất không “dễ” ra được, nhưng xe máy, ô tô thì được sản xuất và tung ra thị trường từng ngày.

Ai cũng biết, nếu có các bãi đỗ xe phân bố hợp lý trong thành phố, đặc biệt là ở khu vực nội thành, **thì** sẽ hạn chế tối đa tình trạng ô tô chiếm không gian mặt đường. **Nhưng** từ cái biết đến thực tế lại là chuyện khác. Mấy chục năm qua, TP HCM chưa thực hiện được dự án bãi đỗ xe ở các điểm quy hoạch là do có tầm nhìn, **nhưng** không triển khai thực hiện được. Tất nhiên, cái dân cần là sản phẩm, không phải là “tầm nhìn”.

Muốn có sản phẩm **thì** phải mời gọi các nhà đầu tư tham gia thực hiện các dự án bãi đỗ xe, khai thác chiều cao và không gian ngầm. **Nhưng** qua các dự án bị treo, cho thấy doanh nghiệp gặp quá nhiều vướng mắc trong triển khai thực hiện dự án. **Cho nên**, chính quyền các địa phương cần có sự tháo gỡ thủ tục, đồng thời tạo điều kiện tối đa cho doanh nghiệp thực hiện dự án.

Chỉ cần có chính sách hỗ trợ và ưu đãi hợp lý, thủ tục nhanh gọn thông suốt, **thì** sẽ có nhiều nhà đầu tư nhảy vào sân chơi này. Còn làm khó thì doanh nghiệp sẽ quay lưng”.

Phân tích các tác tử lập luận, kết tử lập luận và lẽ thường trong bài bình luận theo lý thuyết Ngữ dụng học:

1) Các tác tử lập luận: Tác tử tác động vào nội bộ câu để định hướng thang giá trị, làm tăng hoặc giảm cường độ của luận cứ:

- **Tận / Đến** (Ẩn dụ qua con số): "... sức chứa **2.024** chỗ... **1.250** chỗ...".

Tác dụng: Nhấn mạnh quy mô lớn của dự án, tạo sự kì vọng cao (hướng tới kết luận: đây là dự án quan trọng).

- **Đã:** "...nó **đã** bị khai tử. **Tác dụng:** Tác tử chỉ thời thể, khẳng định một sự việc đã hoàn tất, chấm dứt mọi hi vọng (hướng tới kết luận: sự thất vọng).

- **Cũng chỉ:** "...**cũng chỉ** nghe trên báo đài." **Tác dụng:** Tác tử hạn định mang sắc thái phủ định, hạ thấp giá trị của sự việc (hướng tới kết luận: sự thiếu thực tế, chỉ là lời hứa suông).

- **Càng... càng...:** "...hẹp **càng** hẹp hơn, ùn tắc **càng** ùn tắc hơn."

Tác dụng: Tác tử tăng tiến, đẩy mạnh mức độ trầm trọng của vấn đề (hướng tới kết luận: tình trạng đang ở mức báo động).

- **Chỉ cần:** "**Chỉ cần** có chính sách hỗ trợ..."

Tác dụng: Tác tử hạn định điều kiện tối thiểu nhưng mang tính quyết định (hướng tới kết luận: giải pháp nằm trong tầm tay).

2) Các kết tử lập luận: Kết tử nối các phát ngôn, thiết lập quan hệ logic và định hướng về phía kết luận.

- **Nhưng** (Kết tử nghịch hướng): Xuất hiện rất nhiều lần.

Ví dụ: "Dự án quy mô... **Nhưng** thật thất vọng...", "Biết... **Nhưng** thực tế là chuyện khác."

Chức năng: Bác bỏ hoặc làm yếu đi luận cứ phía trước để đưa ra một kết luận ngược lại, gây ấn tượng mạnh về sự mâu thuẫn giữa lý thuyết và thực tế. Định hướng lập luận: Lên án việc đỗ xe bừa bãi, yêu cầu dẹp bỏ việc chiếm dụng lòng đường.

Việc dùng kết tử "Nhưng" giúp tác giả thoát khỏi việc chỉ trích người dân và tập trung mũi nhọn lập luận vào đối tượng cuối cùng: Chính quyền và các dự án treo.

- Và / Đồng thời (Kết tử đồng hướng):

Ví dụ: "...đội vốn. **Và** từ đó đến nay...", "...tháo gỡ thủ tục, **đồng thời** tạo điều kiện...".
Chức năng: Bổ sung thêm luận cứ cùng hướng đề gia tăng sức thuyết phục cho lập luận.

- Cho nên (Kết tử dẫn dắt kết luận):

Ví dụ: "...doanh nghiệp gặp vướng mắc. **Cho nên**, chính quyền cần tháo gỡ..."

Chức năng: Đánh dấu sự chuyển dịch từ việc nêu thực trạng (luận cứ) sang việc đưa ra giải pháp/kiến nghị (kết luận).

- Còn (Kết tử đối lập):

Ví dụ: "...nhà đầu tư nhảy vào. **Còn** làm khó thì doanh nghiệp quay lưng."

Chức năng: Thiết lập sự so sánh giữa hai viễn cảnh (tích cực và tiêu cực) để làm nổi bật thông điệp cuối cùng.

Tổng kết mô hình lập luận của bài viết:

Dựa trên các tác tử và kết tử, ta thấy bài viết vận hành theo mô hình:

Tiền đề: Dự án hứa hẹn rất lớn (Tác tử số lượng).

Chuyển hướng: Thực tế thất bại (Kết tử "Nhưng").

Triển khai luận cứ: Xe tăng, đất không tăng, thủ tục vướng (Tác tử "Càng... càng", Kết tử "Có điều").

Kết luận chiến lược: Cần tháo gỡ chính sách (Kết tử "Cho nên", Tác tử "Chỉ cần").

Có thể thấy người viết sử dụng rất nhiều kết tử nghịch hướng (*nhưng*). Trong ngữ dụng học, việc sử dụng kết tử này nhằm mục đích tạo ra sự tương phản gay gắt giữa "Cái nên có" và "Cái đang có", từ đó khơi gợi sự đồng tình và bức xúc từ người đọc.

3) Các lễ thường (Topos):

Topos 1: Đường càng hẹp Càng phải cấm đỗ xe (Để lưu thông).

Topos 2: Không có chỗ đỗ Buộc phải đỗ dưới lòng đường (Vì nhu cầu tất yếu).

Người viết đã sử dụng câu hỏi tu từ "*đỗ ở đâu?*" như một tác tử lập luận cực mạnh. Việc "không có chỗ nào khác để đỗ" được đặt ở mức tối thiểu (zero), khiến cho hành động "đỗ dưới lòng đường" trở thành lựa chọn duy nhất không thể tranh cãi. Định hướng lập luận:

Biện hộ cho người dân, đổ lỗi cho sự thiếu hụt hạ tầng đô thị (thuộc nhiệm vụ của quản lý nhà nước).

Bài báo nhấn mạnh tính cấp bách của việc tháo gỡ vướng mắc, tạo điều kiện cho nhà đầu tư tham gia các dự án bất động sản.

Việc phân tích lập luận ở ví dụ trên cho thấy, đằng sau mỗi tác tử, kết tử - những hư từ, trợ từ, tiểu từ, liên từ tưởng như bé nhỏ - được sử dụng là cả một ý đồ tổ chức lập luận nhằm tác động mạnh mẽ vào tâm lý và niềm tin của công chúng. Điều này khẳng định rằng: Trong thế giới tràn ngập dữ liệu hiện nay, sức mạnh của báo chí không nằm ở lượng thông tin cung cấp, mà nằm ở cách thức tổ chức ngôn ngữ để định hình tư duy xã hội.

Trong ngôn ngữ tác phẩm bình luận báo chí, lập luận không đơn thuần là phương thức sắp xếp thông tin mà còn là "linh hồn" tạo nên sức mạnh thuyết phục và khả năng định hướng dư luận xã hội. Một bài báo có sức nặng thì phải có một hệ thống lập luận chặt chẽ, nơi các sự kiện, số liệu và nhân chứng được tổ chức logic nhằm dẫn dắt người đọc đi đến một kết luận mang tính định hướng rõ rệt. Thông qua các thao tác như phân tích, so sánh, chứng minh và bác bỏ, nhà báo không chỉ cung cấp cái nhìn đa chiều về sự việc mà còn khéo léo kiến tạo các hệ giá trị, giúp công chúng nhận diện đúng - sai, tốt - xấu giữa dòng thác thông tin nhiễu loạn. Đặc biệt, trong kỷ nguyên số, khi tin giả (fake news) tràn lan, vai trò của lập luận sắc bén càng trở nên then chốt; lập luận đóng vai trò là "màng lọc" tư duy, giúp báo chí chính thống khẳng định uy tín và dẫn dắt người dân tin tưởng vào các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Như vậy, lập luận chính là cầu nối biến những con số khô khan thành niềm tin và biến thông tin thuần túy thành nhận thức chính trị - xã hội sâu sắc cho cộng đồng.

KẾT LUẬN

Báo chí là một phương tiện có sức mạnh đặc biệt to lớn trong việc hướng dẫn nhận thức, hình thành dư luận xã hội tích cực và nâng cao dân trí. Để phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội trong định hướng dư luận và tác động dư luận phải kể đến vai trò quan trọng của ngôn ngữ bình luận và cách nhà báo sử dụng ngôn từ trong trích dẫn và lập luận. Tuy nhiên, bài viết cũng chưa đi

sâu nghiên cứu những thách thức mới của ngôn ngữ báo chí trong kỷ nguyên hậu sự thật (post-truth) hay tin giả (fake news) hoặc ngôn ngữ báo chí trong kỷ nguyên số. Cho nên nghiên cứu ngôn ngữ để ứng dụng vào quá trình sáng tạo tác phẩm báo chí nói chung, tác phẩm bình luận nói riêng là việc làm cần thiết./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Châu, Đ. H. (2012). *Đại cương ngôn ngữ học: Tập 2. Ngữ dụng học*. Nxb Giáo dục Việt Nam.
- Dân, N. Đ. (2000). *Ngữ dụng học: Tập 1*. Nxb Giáo dục.
- Dân, N. Đ. (2005). *Nhập môn Logic hình thức và logic phi hình thức*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Giang, N. T. T. (2014). *Sáng tạo tác phẩm báo mạng điện tử*. Nxb Chính trị Quốc gia.
- Hào, V. Q. (2010). *Ngôn ngữ báo chí*. Nxb Thông tấn.
- Hòa, N. (2006). *Phân tích diễn ngôn phê phán: Lí luận và phương pháp*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Quang, T. (2007). *Các thể loại báo chí chính luận*. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Quảng, D. V. (1998). Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ báo chí. *Tạp chí Thông tin Khoa học Xã hội*, 98(6).
- Reuters Institute for the Study of Journalism. (2026). *Journalism, media, and technology trends and predictions 2026*. <https://reutersinstitute.politics.ox.ac.uk/journalism-media-and-technology-trends-and-predictions-2026>